

**REFERENCE OF PRAGMATICS IN
THE CHARACTERS IN THE SHORT
STORY *A DROPS OF BLOOD* BY
NGUYEN HUY THIEP**

Tran Thi Nhat* and Ho Van Hai
Faculty Education Department,
Sai Gon University, Ho Chi Minh city,
Vietnam

*Corresponding author: Tran Thi Nhat,
e-mail: tnhat@sgu.edu.vn

Received March 14, 2024.

Revised April 18, 2024.

Accepted May 12, 2024.

**QUY CHIẾU NGÔN NGỮ VÀO
NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN NGẮN
*GIỌT MÁU CỦA NGUYỄN HUY THIỆP***

Trần Thị Nhật* và Hồ Văn Hải
Khoa Giáo dục Tiểu học,
Trường Đại học Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Trần Thị Nhật,
email: tnhat@sgu.edu.vn

Ngày nhận bài: 14/3/2024.

Ngày sửa bài: 18/4/2024.

Ngày nhận đăng: 12/5/2024.

Abstract. The article uses the Reference Theory of Pragmatics to clarify how language refers to characters in a specific literary work. This is a new direction based on previous achievements in researching the characteristics and functions of story language. Using the above principle to study the quantification of the attributes in character building of the short story *Drops of Blood* can help readers and researchers recognize the beauty of the words and the writer's creativity. Besides, this direction also helps the writer improve the theoretical toolkit to continue to contribute more to the story research process from the linguistic perspective.

Keywords: story language, reference, Nguyen Huy Thiep, characters.

Tóm tắt. Bài viết sử dụng lý thuyết quy chiếu của ngữ dụng học để hướng tới việc làm rõ cách thức ngôn ngữ quy chiếu vào nhân vật trong một tác phẩm văn chương cụ thể. Đây là một hướng đi mới trên nền tảng những thành tựu đã có trước đó trong nghiên cứu đặc điểm và chức năng của ngôn ngữ truyện. Sử dụng nguyên lý trên để nghiên cứu cách thức định lượng hóa các thuộc tính trong xây dựng nhân vật của truyện ngắn *Giọt máu* có thể giúp người thưởng thức và nghiên cứu nhận ra những vẻ đẹp của ngôn từ và sức sáng tạo của nhà văn. Bên cạnh đó, hướng đi này cũng giúp cho người viết hoàn thiện thêm bộ công cụ lý thuyết để tiếp tục đóng góp nhiều hơn nữa cho quá trình nghiên cứu truyện từ phương diện ngôn ngữ.

Từ khóa: ngôn ngữ truyện, quy chiếu, Nguyễn Huy Thiệp, nhân vật.

1. Mở đầu

Khái niệm *quy chiếu* được sử dụng với những nội hàm khác nhau tùy thuộc vào từng ngành khoa học. Trong toán học và vật lý học, *quy chiếu* được hiểu là nhóm các quy ước mà một người quan sát sử dụng để đo lường cường độ vật lý của một hệ thống nhất định. Ở đó, *quy chiếu* được xem là một tọa độ, con người quy chiếu vào một điểm chuẩn để xác định vị trí của sự vật. Một quy chiếu bao gồm *vật làm mốc*, các *tham chiếu* và *vật được quy chiếu*. Trong mỗi tham chiếu có thể bao hàm nhiều *tham tố*. Mỗi tham tố đảm nhiệm một vai trò nhất định tạo nên giá trị chung cho tham chiếu đó. Mỗi một sự vật hiện tượng có thể được “định vị” bởi rất nhiều tham chiếu. Khi quy chiếu vào đối tượng tổng thể, các tham chiếu này tập hợp thành một hệ thống gọi là *hệ*

quy chiếu. Mỗi hệ quy chiếu hướng đến những tiêu điểm nhất định làm thành “góc nhìn” về đối tượng của người phản ánh.

Vấn đề quy chiếu và hiện tượng quy chiếu đã được khá nhiều nhà nghiên cứu Việt ngữ học quan tâm. Có thể kể đến một số công trình tiêu biểu như: *Nhập môn ngôn ngữ học lí thuyết* của John Lyons (1996) [1], *Dụng học* của George Yule (1997) [2], *Ngữ dụng học* của Nguyễn Đức Dân (1998) [3], *Phân tích diễn ngôn* của Gillian Brown, George Yule (1983) [4], *Cơ sở ngữ dụng học*, tập 1 của Đỗ Hữu Châu (2003) [5], *Dụng học Việt ngữ* của Nguyễn Thiện Giáp (2004) [6], *Giáo trình ngôn ngữ học* của Nguyễn Thiện Giáp (2008) [7], *Quy chiếu và các vấn đề liên quan* của Trần Thị Minh Thu (Tạp chí *Từ Điển và Bách Khoa Thư*, (2020) [8]... Các công trình này mặc dù chưa đề cập đến “vật làm mốc” trong các biểu thức quy chiếu nhưng đã làm sáng tỏ hơn vấn đề quy chiếu ngôn ngữ trong các dạng thức ngôn ngữ.

Trong phân tích diễn ngôn, nhiều nhà nghiên cứu đã sử dụng khái niệm quy chiếu nghiêng về chỉ xuất, tức hệ quy chiếu đó lấy điểm chuẩn là sự vật (chiếu vật). Reference trong tiếng Anh có khi được dịch là “sở chỉ”, có khi được dịch là quy chiếu hoặc vật quy chiếu (referent). Các nhà nghiên cứu cho rằng: “tự thân các từ không quy chiếu đến gì cả. Tự con người mới làm ra quy chiếu” [2; 43]; “quan hệ giữa từ và sự vật là mối quan hệ quy chiếu” [1; 636]; “Thuật ngữ quy chiếu vì thế có thể đưa ra khỏi khảo luận về ý nghĩa từ vựng và để dành cho cái chức năng mà người viết/ người nói dùng để chỉ định các thực thể họ đang đề cập đến thông qua các biểu thức ngôn ngữ” [9; 318]; quy chiếu dựa trên mối quan hệ giữa những đơn vị ngữ pháp trong một văn bản là “nội chiếu”, quan hệ giữa các từ ngữ với sự vật, hiện tượng bên ngoài phát ngôn gọi là “ngoại chiếu” [9; 226]... Trong các cách hiểu về quy chiếu, đáng chú ý là quan niệm của George Yule, ông cho rằng: “để quy chiếu thành công, chúng ta phải thừa nhận vai trò của suy luận. Bởi lẽ chẳng có một mối liên hệ trực tiếp nào giữa các thực thể với từ” [2; 45]. Nhận định này đã đề cập đến vai trò của người sản sinh và tiếp nhận văn bản cũng như đề cập đến vai trò của chức năng khái quát hóa, trừu tượng hóa trong biểu đạt ngôn ngữ (sở biểu). Như vậy, các loại quy chiếu trong ngôn ngữ được xác lập từ các mối quan hệ phổ biến như: 1) giữa ngôn ngữ với sự vật hiện tượng; 2) giữa các thuộc tính của sự vật hiện tượng được phản ánh vào trong ngôn ngữ với hiện thực khách quan vốn có; 3) giữa đơn vị ngôn ngữ này với đơn vị ngôn ngữ khác trong cùng một hệ thống (hoặc với các đơn vị liên ngôn); 4) giữa đơn vị ngôn ngữ (thuộc mọi cấp độ) với ý nghĩa khái quát được tạo ra nhờ vào suy luận (giữa sở chỉ với sở biểu). Bao trùm lên toàn bộ 4 loại quan hệ trên là *mối liên hệ giữa chủ thể nhận thức - tạo lập ngôn bản với hiện thực được phản ánh trong ngôn ngữ*. Điều này có nghĩa, hiện thực và nhận thức hiện thực chính là “lẽ thường”, là “siêu mốc” của mọi quy chiếu trong tất cả các dạng thức tri nhận của con người. Từ quy chiếu phổ quát này, người sáng tạo nghệ thuật mới khai triển thành các quy chiếu của riêng mình.

Trong nghiên cứu truyện kể, sau khi xác định vật được quy chiếu, việc đầu tiên là phải chỉ ra các phương thức quy chiếu có tính sáng tạo riêng của người sáng tác. Bản chất của việc xây dựng hình tượng nghệ thuật thực chất là quá trình thiết lập hệ quy chiếu của nhà văn. Trong truyện kể, ngôn ngữ mang 2 chức năng cơ bản: chức năng *chiếu vật* và chức năng *hình tượng*. Vì vậy, sự quy chiếu của ngôn ngữ truyện là sự quy chiếu liên tục: quy chiếu sở chỉ (quy chiếu vào đối tượng) → quy chiếu sở biểu (quy chiếu vào hình tượng/ ý nghĩa). Chất lượng nghệ thuật của mỗi tác phẩm truyện phụ thuộc rất lớn vào *hệ quy chiếu* giữa nó với những sự mô tả các sự kiện, tình huống, nhân vật, hành vi, xử sự, nói năng, quan hệ... Ngôn ngữ truyện thiên về khai thác khả năng miêu tả (tạo hình), ghi nhận cái “thế giới ngoài nó”, nghiêng hẳn về biểu đạt thuộc tính hơn là cảm xúc. Vì vậy, khác với tác phẩm trữ tình, mỗi đơn vị ngôn từ trong truyện đều có một nhiệm vụ tối thượng là “vẽ” ra sự vật hiện tượng với những “chỉ số” cụ thể, cá biệt. *Việc lựa chọn và phản ánh các thuộc tính tiêu biểu, cá biệt của đối tượng là quá trình quy chiếu vào đối tượng đó*. Trong truyện, một đơn vị ngôn từ được xem là có chất lượng khi chúng thực hiện quy chiếu vào “sở chỉ” đạt đến mức thích hợp nhất để “sở chỉ” đó quy chiếu vào “sở biểu” một cách thành công. *Quy chiếu sở biểu* là việc xây dựng các *sở chỉ* cần thiết để làm cho vật được quy chiếu đạt được

mục tiêu đề ra. *Quy chiếu sở chỉ* chứa đựng trong nó các tham chiếu. Mỗi tham chiếu là một khối lượng thông tin có chọn lọc và được hiện thực hóa bằng diễn ngôn. Những đơn vị ngôn ngữ có thể “đo” được giá trị biểu đạt làm nên giá trị của cả *hệ quy chiếu sở chỉ*. Từ đây, bằng tư duy khái quát hóa, trừu tượng hóa, chúng ta có được *hệ quy chiếu sở biểu*, đích đến cuối cùng trong mọi sáng tác nghệ thuật. Các tham chiếu của *quy chiếu sở chỉ* vào nhân vật gồm những phương diện phổ biến như: 1) thông tin miêu tả (thông tin về ngoại hình; nội tâm; hành động; lời nói...); 2) thông tin tình thái (ngôi kể, điểm nhìn, giọng điệu...). Khác với quy chiếu trong ngôn ngữ phi nghệ thuật lấy vật làm mốc là “lẽ thường”, quy chiếu trong ngôn ngữ nghệ thuật lấy mốc chuẩn là các điển mẫu, điển dạng, điển hình của đời sống hiện thực. Vì vậy, muốn xác định được hiệu quả quy chiếu trong truyện, trước hết cần phải xác định được *các thuộc tính của vật làm mốc và phương thức sử dụng ngôn ngữ* của nhà nghệ sĩ. Trong thể loại truyện kể, việc xây dựng nhân vật như thế nào để truyền tải được thông điệp của đời sống nhân sinh là một thách thức lớn. Để làm được điều này, nhà văn thường thiết lập một hệ quy chiếu vào nhân vật với những yếu tố cấu thành như: 1) *vật làm mốc*, điển dạng của vật được quy chiếu. Từ *vật làm mốc*, người ta có thể so sánh với *vật được quy chiếu* trên “tọa độ đa chiều” của *hệ quy chiếu* để thấy được cách thức sáng tạo của nhà nghệ sĩ; 2) *vật được quy chiếu*, đối tượng vừa mang những phẩm chất cơ bản (của *vật làm mốc*), vừa mang những thuộc tính cá biệt. Trong quá trình sáng tác, nhà văn thường xây dựng một số tham chiếu nhất định lên *vật được quy chiếu*, mặc dù về mặt lí thuyết, số lượng *tham chiếu* là vô hạn. Mỗi tham chiếu đều chứa đựng hai giá trị phổ quát: giá trị sự vật logic (sở chỉ) và giá trị trừu tượng khái quát (sở biểu). Đây là cơ sở của kiến tạo *quy chiếu sở chỉ* và *quy chiếu sở biểu* trong tác phẩm nghệ thuật. Mỗi tham chiếu đều mang những chức năng và phương thức phản ánh đặc thù. Giá trị của tham chiếu hình thành từ các *tham tố* tạo nên nó. Bên cạnh đó, mỗi *tham chiếu* cũng bao hàm hình thức và giá trị của phương tiện phản ánh được thể hiện bằng các *tham tố*. Khi xác lập *vật được quy chiếu*, cần tính đến kiểu loại nhân vật. Để xem xét tính khả thi của nguyên lí quy chiếu, đối tượng được dùng để khảo nghiệm là truyện ngắn *Giọt máu* của Nguyễn Huy Thiệp, một tác phẩm gây tiếng vang lớn trong văn chương đương đại.

2. Nội dung nghiên cứu

Giọt máu là truyện kể về dòng họ Phạm ở huyện Từ Liêm. Ông tổ với nghề làm ruộng và buôn bán, trước khi chết đã truyền đạt cho người con trai cả làm nghề mổ lợn ước nguyện của mình là có con cháu thành danh về đường học vấn. Và rồi sau bao nhiêu cố gắng, khao khát đó của họ Phạm cũng đã đạt được ước nguyện. Tuy nhiên, gia tộc lại phải chứng kiến những đổ vỡ lớn. Cháu đích tôn là Chiêu đỗ đạt, trở thành tri huyện nhưng tham lam, độc ác và ăn chơi trác táng; chất là Phong, thạo chữ quốc ngữ, làm báo nhưng hoang dâm vô độ và nhẫn tâm đến đáy. Dòng họ Phạm đã phải trải qua rất nhiều thăng trầm, thịnh suy trong dòng chảy nhân - quả đời người. Tác giả của truyện ngắn đã gửi gắm vào tác phẩm những điều mình trần trụi cháy lòng về “sự học” và những hệ lụy nghiêm trọng của nó như một cảnh báo rợn người. Vấn đề mà bài viết hướng đến là cách thức Nguyễn Huy Thiệp sử dụng ngôn ngữ quy chiếu vào hai lớp nhân vật “tiền bối” và “hậu bối” của mình để đưa đến cho người đọc những thông điệp ẩn chứa trong mỗi hình tượng bộ phận.

2.1. Cách thức ngôn ngữ quy chiếu vào nhân vật “tiền bối”

Để quy chiếu vào các nhân vật “tiền bối”, trước hết ta phải xác định “vật làm mốc” và “vật được quy chiếu”. Thứ nhất, vật làm mốc được xác định bằng những giá trị của “lẽ thường” và “điển mẫu”. Các nhân vật tiền bối trong tác phẩm là “nhân vật tính cách” được xây dựng dựa trên các phẩm chất phổ biến của mỗi con người thuộc những gia tộc giàu có ở vùng nông thôn Việt Nam. Thứ hai, vật được quy chiếu bao gồm những mặt cấu thành cốt lõi như gia cảnh, khát vọng và hành động để đạt được khát vọng của những nhân vật trong các thể hệ khác nhau.

2.1.1. Tham chiếu 1

a) *Về quy chiếu sở chỉ.* Tham chiếu 1 mang thông tin chung về gia cảnh nhân vật, gồm 3 tham tố chính. Tham tố 1 có chức năng “khái quát hóa” đối tượng được chứa đựng trong một đơn vị câu mang thông tin “phân loại” theo tiêu chí của quan niệm trong đời sống của xã hội phong kiến xưa cũ: *Phạm Ngọc Liên là bậc đại phú.* Tham tố 2 là những thông tin có tính chất “chi tiết hóa”, những sở chỉ về thước đo độ giàu có của một gia đình, gia tộc ở làng quê qua địa thế xây dựng nhà cửa, gồm (1) đất xây nhà nằm vị trí đắc địa: *đầu làng*; (2) địa thế vững chắc, an toàn: *bằng phẳng*; (3) không gian rộng rãi: *ba sào hai thước.* Tham tố 3 tiếp tục phát triển thông tin theo hướng “song hành” và “nối tiếp” với tham tố 2, cũng là sự giàu sang được lựa chọn từ những sở chỉ về văn hóa truyền thống thể hiện qua cỗ bàn trong bữa tiệc mừng, gồm (1) thực phẩm chế biến được “đo” bằng độ lớn: *hai lợn, một bò*; (2) độ trang trọng: *làm lễ tế trời đất*; (3) số lượng mâm cỗ: *bày la liệt chín mươi mâm cỗ.* Tham tố 4 là thông tin sở chỉ then chốt nhất tập trung vào những biểu hiện cơ bản của gia thế qua các mô tả chi tiết về giá trị ngôi nhà, vốn được xem như là “quyền lực mềm” lớn nhất của người sống ở nông thôn. Sự *đổ sộ* của dinh cơ gồm thông tin sở chỉ về (1) quy mô cũng như cách bài trí rất sang trọng và cổ kính: “giữa là nhà thờ ba gian chạm trổ long, ly, quy, phượng. Nhà tiền tế năm gian với cửa bức bàn, cột tròn, gỗ xoan rừng. Hai nhà ngang hai bên với sân gạch Bát Tràng, bình phong, bể nước,...”; (2) tầm vóc công trình: xung quanh là tường rào “cao ba mét, trên cắm mảnh sành, mảnh thủy tinh” với chất liệu của *vữa* được làm từ “vôi cát trộn mật, đặc quánh” [10; 243]... Thông tin sở chỉ của tham chiếu 1 được thể hiện bằng ngôi kể thứ ba với giọng điệu khách quan trung tính.

b) *Về quy chiếu sở biểu.* Các tham tố của tham chiếu 1 được đặt vào trong một liên kết chuỗi đồng hướng, liên kề và liên thuộc, đi từ *xếp hạng gia cảnh* (1) → *địa thế nhà cửa* (2) → *cỗ bàn mừng nhà mới* (3) → *quy mô và giá trị của ngôi nhà* (4). Chuỗi liên kết thông tin nói trên tạo nên sở biểu của tham chiếu 1: sự giàu có và thịnh vượng của gia tộc họ Phạm đã đạt đến cực đỉnh. Tình trạng này mạnh mẽ cho một sự thay đổi lớn, là dấu hiệu dự cảm về một điều gì đó sắp xảy ra.

2.1.2. Tham chiếu 2

a) *Về quy chiếu sở chỉ.* Tham chiếu 2 gồm 4 tham tố, như một hệ quả của tham chiếu 1, “phú quý sinh lễ nghĩa”, sự giàu có, thịnh vượng sẽ làm con người ta nảy sinh những khao khát lớn hơn. Tham tố 1 là thông tin sở chỉ về: (1) cơ duyên của nỗi niềm khao khát khi có người đi qua bảo rằng: “Đất này đẹp, hình bút, phát về văn học. Đã phát về văn học thì nước cạn, tàu ráo, hiếm con trai”; (2) sự bày tỏ ước muốn của nhân vật: “Ông Liên nghe xong, níu áo người đó bảo: “Tôi bình sinh là dân cày cuốc, mong con cháu sau này có ít chữ nghĩa mở mắt với đời. Hiếm con cháu cũng được, miễn là có đức, thiên hạ nể trọng” [10; 242]... Tham tố 2 chuyển sang thông tin sở chỉ miêu tả nhận thức của chủ nhân về mối quan hệ giữa học vấn và đạo đức: (1) lời cảnh tỉnh trước ý nguyện của gia chủ được thể hiện rất khéo trong những “câu hỏi tự vấn”: “Người đó cười: “Chữ nghĩa có ăn được không?”. Ông Liên bảo: “Không ăn được”. Người đó bảo: “Thế đa mang chữ nghĩa làm gì?”. Ông Liên bảo: “Gi thì gì, nó vẫn hơn cày cuốc”....; (2) đi vào chiều sâu nhận thức của chủ nhân về sự học qua luận giải mối quan hệ giữa học vấn và đạo đức: “Người đó bảo: “Nhiều chữ nghĩa thì có đức à?”. Ông Liên bảo: “Phải”. Người đó cả cười, hỏi gì cũng không nói nữa rồi phất áo đi” [10; 242]. Tham tố 2 kết thúc với tình thái hoài nghi, bí hiểm khi cuộc thoại bị bỏ lửng giữa chừng... Tham tố 3 là thông tin sở chỉ về khát vọng con cháu thành danh đến cháy bỏng của nhân vật: (1) ngọn nguồn khát vọng được thể hiện bằng việc *Ông Liên ngồi giữa sân* một cách rất trịnh trọng, “bảo cả họ: ...Họ Phạm xưa nay trong làng không kém họ Đỗ, họ Phan, họ Hoàng. Chỉ hiếm họ Phạm làm ruộng, buôn bán, chưa có ai học hành đỗ đạt. Thiên hạ coi mình là thô lậu. Tức lắm” [10; 243]. Trong lời nói đã chứa đựng cả quan niệm coi chữ nghĩa, địa vị làm sang con người; (2) cách khuyến khích để con cháu đạt được danh vọng với lời hứa về quyền lợi vật chất cao nhất: “Con cháu chúng mày thăng nào đỗ Thám Hoa, Bảng Nhãn, tao cho ăn tự cả cơ ngơi này, lại cho tất cả của gia bảo”; (3) đồng nhất học vấn – đạo đức và danh vọng với nhau, không nhận ra được mặt trái của mỗi đối tượng, giản đơn trong nhận thức là nguồn cơn của mọi

sai lầm về sau: cốt làm sao thiên hạ phải học cái đức họ Phạm nhà này” [10; 243]... Tham tố 4 là thông tin sở chỉ về nỗi thất vọng của người cha khi sự khao khát công danh cho con cháu nhưng mãi vẫn chưa đạt được: (1) sự thịnh vượng của một gia đình, dòng tộc biểu hiện qua tuổi thọ của ông Liên: “sống đến 80 tuổi; có ba vợ, năm con trai, sáu con gái; (2) sự hiếu thuận của con cái cho đến ngày cuối đời: túc trực bên giường gần một tháng trời, mắt sâu hoắm, râu mọc tua tua... nấu com gạo tẩm vào nồi đất, đánh giấm canh bằng lá chua me, bày đĩa rau với chén tương Bần, tự tay bưng lên cho cha” [10; 243]; (3) nỗi buồn của người ở lại và sự thất vọng lớn lao của người nằm xuống: “Ông Liên chỉ húp được một thìa canh rồi xoa đi. Ông Gia òa khóc. Ông Liên bảo: “Chẳng ra gì. Chũ mới cần”. Nói xong tắt thở..” [10; 243]. Ông Gia òa khóc vì nhận thức được tội bất hiếu của mình khi các cháu không làm được điều mà ông nội một đời kì vọng. Lời cuối cùng của ông Liên: “Chẳng ra gì. Chũ mới cần”, cho thấy, tất cả hiếu thuận của con cháu đều vô giá trị trước khao khát thành danh để “rửa nhục” với thiên hạ. Thông tin sở chỉ của tham chiếu 2 được thể hiện bằng ngôi kể thứ ba. Xét về tính tình thái của ngôn ngữ, các tham tố được trình bày với giọng kể đậm màu sắc biểu cảm được lồng vào trong lớp ngôn từ trực tiếp của các cuộc thoại.

b) Về quy chiếu sở biểu. Các tham tố của tham chiếu 2 được đặt vào trong một liên kết chuỗi: đi từ *cơ duyên* (1) → *nhận thức phiến diện về giá trị của học vấn* (2) → *ngọn nguồn của khao khát danh vọng* (3) → *sự thất vọng đến tuyệt vọng* (4). Chuỗi liên kết sở chỉ này tạo ra một sở biểu: quan niệm giản đơn, phiến diện về giá trị của chữ nghĩa đã khiến cho con người ta khao khát đến nó một cách cuồng nhiệt. Đây cũng là quan niệm truyền thống của cả một dân tộc và đang thịnh hành trong đời sống hiện sinh. Khát vọng thành danh là khao khát thường trực của bao gia đình người Việt kéo dài suốt mấy trăm năm đến nay vẫn vậy. Ai đó khi trở nên giàu có đều muốn đánh đổi một phần hoặc tất cả để có được danh vọng, quyền lực và địa vị, xem địa vị là thứ duy nhất khiến thiên hạ nể phục, sợ hãi. Sự giàu có càng lớn, khát vọng thành danh càng cao. Tham chiếu 2 khép lại với sự xuất hiện của đứa cháu *tuấn tú lạ thường*. Nhân vật này như “bản lề” khép mở hai chu kì rất được coi trọng của văn hóa truyền thống của người Việt, coi nhân gian ba đời phúc họa vẫn luôn nghiệm ứng.

2.1.3. Tham chiếu 3

a) Về quy chiếu sở chỉ. Tham chiếu 3 gồm 2 tham tố, là những thông tin sở chỉ về sự vui mừng của nhân vật khi phát hiện dấu hiệu khả quan. *Tham tố 1* là thông tin về nhân vật Chiêu lúc còn bé, với (1) những dấu hiệu của một thần đồng: *Phạm Ngọc Chiêu tuấn tú lạ thường* → *từ bé đã sáng dạ* → *nặng những con rùa đội bia*; (2) dự cảm của người ông về tương lai tươi sáng đầy hứa hẹn của đứa cháu đích tôn: *Ông Gia giật mình nghĩ: “Trời cho họ Phạm phát đường học vấn ở đứa bé này chắc?”*... *Tham tố 2* là thông tin sở chỉ tập trung vào mục đích của việc học, với (1) nhận cảnh báo ớn lạnh về mặt trái của con chữ: “Đồ Ngoạn rùng mình: Bác ơi, chữ nghĩa nó ghê gớm lắm. Nó là ma đấy. Yếu bóng vía là nó ám mình, nó làm đau đốn thê thảm mới thôi” [10; 244]; (2) động cơ của việc học: “Tôi thấy văn chương có cái gì tựa tựa lẽ phải. Muốn cho cháu học thầy vì thế”. Từ việc tiếp nhận sự “phân loại chữ nghĩa” của thầy đồ: “có thứ văn chương hành nghề kiếm sống; có thứ văn chương sửa mình; có thứ văn chương trốn đời, trốn việc; có thứ văn chương làm loạn”... [10; 245]; ông nội, với “nền tảng” kiến thức của một “đồ tể thành đạt” đã “chiếu” ngay vào ngón nghề của mình để luận giải và chọn loại chữ nghĩa cho cháu mình học giống với giá trị của miếng “thịt dọi, nhiều người mua, chẳng bao giờ ế”, bán chạy nhất trên sạp hàng ở chợ. Từ đây, người cháu cũng đã được đặt vào “đường ray học vấn” với hai chữ “danh - lợi”: “Ông Bình Chi bảo: “Tôi hiểu rồi. Đây là thứ văn chương học để làm quan” [10; 245]... Như vậy, thông tin sở chỉ của tham chiếu 3 được thể hiện qua sự kết hợp giữa ngôi kể thứ nhất với ngôi kể thứ ba. Xét về tính tình thái của ngôn ngữ, các tham tố được trình bày với giọng kể biểu cảm cùng lớp ngôn từ đối thoại trực tiếp chứa đựng nhiều tầng nghĩa trong lời nói tự nhiên rất thân tình.

b) Về quy chiếu sở biểu của tham chiếu 3. Các tham tố của tham chiếu 3 được đặt vào trong một liên kết chuỗi: đi từ *dấu hiệu thần đồng* (1) → *mục đích của việc học* (2). Sở biểu của tham

chiếu 3 hướng đến biểu đạt nhận thức của cha ông đặt ra cho con cháu về sự học là làm sao vừa có danh lại vừa có lợi, danh để được người khác nể trọng, lợi là để giàu có hơn người. Đây chính là cách suy nghĩ của hầu hết các gia đình nông thôn, nhất là những gia đình khá giả về sự chi phối lẫn nhau giữa tri thức, danh vọng, tiền tài và quyền lực.

Từ 3 tham chiếu, các nhân vật tiền bối hiện ra với những khát vọng con cháu thành danh cháy bỏng. Khát vọng đó được nuôi dưỡng bằng những cái nhìn thiên cận và thực dụng, là dấu hiệu của những khiếm khuyết trong cách định hướng cho các thế hệ “hậu bối” con đường đi đến công danh một cách bền vững.

2.2. Cách thức ngôn ngữ quy chiếu vào nhân vật “hậu bối”

Để quy chiếu các nhân vật “hậu bối”, dựa vào “lễ thường” và “điển mẫu”, trước hết ta cần xác định “vật làm mốc” và “vật được quy chiếu”. Thứ nhất, vật làm mốc là nhân vật loại hình và cũng là nhân vật tính cách. Thứ hai, vật được quy chiếu ở đây chỉ bao gồm những mặt cấu thành cốt lõi như năng lực, quá trình học hành và việc làm quan của nhân vật Chiêu và sự tha hóa của nhân vật Phong. Hai nhân vật được quy chiếu trên các mặt khác nhau được thể hiện qua 2 tham chiếu cơ bản: *tha hóa vì quyền lực* → *tha hóa vì tiền tài*.

2.2.1. Tham chiếu 1

a) Về quy chiếu sở chỉ. Tham chiếu 1 gồm tham 4 tố, là những thông tin sở chỉ thể hiện quá trình học hành, thành đạt và tha hóa của nhân vật Chiêu. Tham tố 1 là thông tin về việc học hành. Bao gồm (1) sự thông minh hiếm có và phát lộ rất sớm: “mười hai tuổi giảng được sách, các sách “phá đề”, “phá thừa”, “khởi giảng”, “đề tì”, “trung tì” trong kinh nghĩa đều thông thạo”. Các sở chỉ nhắm vào độ tuổi tương ứng với mức độ tiến bộ được đo bằng độ khó của tài liệu và khối lượng kiến thức hết sức đồ sộ đã được nhân vật hoàn thành; (2) niềm vui lớn nhất đời người của người cha khi con đỗ tú tài được đo bằng quy mô khách mời và độ sang của mâm cỗ: “làm cỗ khao cả làng; cỗ to lắm, bảy bát, bảy đĩa” [10; 246]... Đây là sự nối tiếp có tính liên thuộc được thể hiện bằng quan hệ nhân – quả... Tham tố 2 là thông tin về quá trình tha hóa của nhân vật. Gồm (1) đam mê sắc dục một cách vô độ ngay từ khi chưa đỗ đạt, đang còn ôn luyện để đi thi: “Cô đầu tên là Thắm, dạy Chiêu đủ các ngón chơi. Kỳ thi ấy, Chiêu đỗ thứ ba nhưng bị đổ bệnh tiêm la, dương vật lúc nào cũng cương đỏ, hạ bộ nhức nhối...”; (2) sự tha hóa trong quá trình làm quan được đo bằng mức độ tàn ác, vô lương tâm: “ra sức đục khoét. Sân công đường để một cái cùm gỗ nghiêng, trên có một cối đá lỗ rất to chặn lên, có người bị cùm nát cả mắt cá chân, về mừng mủ, vết thương có dòi, lên cơn uốn ván mười ngày thì chết” [10; 247]. Tham tố 3 là thông tin sở chỉ về quả báo đến từ những hành động bất nhân. Gồm (1) quả báo đầu tiên đến nhanh quá sức tưởng tượng: “cả bà hai đều chẳng sinh nở được mụn con trai nào” [10; 247]; (2) thói ngông nghênh nên tự rước họa vào thân: “Chiêu đang say, sai lính nọc ra đánh ba chục roi. Cỗ đạo Tây bị đánh, tức lẫn”; (3) bị thất sủng, cách chức về vườn, “bất đắc chí, suốt ngày nằm phục trong ngôi từ đường ở Kẻ Noi” [10; 249]. Tham tố 4 là thông tin về hạt giống truyền nhân. Gồm (1) dùng mưu hèn kế bẩn để chiếm đoạt giai nhân đã xuất gia vào chùa, vừa trái đạo lí lại vừa bỉ ổi: “Chiêu ở lại, cứ y kế Hàn Soạn mà làm. Thương thay cho ni cô Huệ Liên, muốn đi tu để quên sự đời mà không trót được”; (2) kết quả của mối quan hệ nghiệp quả nhưng vẫn chưa đoán trước được tương lai: “Huệ Liên tên thật là Đỗ Thị Ninh, về làm vợ ba của Chiêu thì một năm sau sinh con trai đặt tên là Phạm Ngọc Phong” [10; 253]... Xét về tính tình thái của ngôn ngữ, những thông tin trong các tham tố cơ bản được trình bày bằng giọng kể khách quan trung tính ngôi thứ ba và lớp ngôn ngữ trực tiếp, bán trực tiếp với nhiều sắc thái biểu cảm gây ấn tượng mạnh.

b) Về quy chiếu sở biểu. Các tham tố của tham chiếu 1 được đặt vào trong một liên kết chuỗi: đi từ *việc học hành* (1) → *tha hóa quyền lực* (2) → *quả báo* (3). Sở biểu của tham chiếu 1 là sự nguy hiểm của quyền lực khi đặt vào tay những kẻ khao khát đạt được nó bằng mọi giá; quyền lực trong tay những kẻ háo danh, háo lợi tất yếu sẽ được dùng vào việc trấn áp, bức hại và vơ vét.

2.2.2. Tham chiếu 2

Tham chiếu 2 gồm 3 tham tố, là những thông tin sở chỉ thể hiện tính cách nhân vật Phong, là sự tiếp nối các thuộc tính của nhân vật Chiêu nhưng theo một xu hướng và mức độ cao hơn. Nếu nhân vật Chiêu là kẻ làm quan thì nhân vật Phong là người thừa hưởng tất cả của cải mà cha mình đã vợ vét được. Chiêu tha hóa quyền lực thì Phong tha hóa về tiền tài. Tham tố 1 là thông tin sở chỉ về điều kiện sống, cơ sở quan trọng để hình thành tính cách nhân vật: “Phong được ăn tự cả cơ ngơi hơn chục mẫu ruộng nhưng không thiết, tất cả giao cho chị gái quản lý” [10; 253-254]. Như một quy luật tất yếu, khi thừa tự một đồng gia sản mà không tốn một giọt mồ hôi, con người này chẳng thể cảm nhận được phần giá trị tích cực mà nó mang lại. Điều đó báo trước một hệ quả nghiêm trọng tất yếu sẽ xảy ra. Tham tố 2 là thông tin về sự tha hóa, gồm 3 phần tử. (1) Cuộc hôn nhân vụ lợi được thể hiện bằng các sở chỉ miêu tả người vợ của Phong với sự chênh lệch tuổi tác (*hơn Phong đến chục tuổi*), hình thức xấu xí và bất cập (*cao lớn như đàn ông, đen đúa, răng vàng, bụng chừa*) → hé lộ nguyên nhân của cuộc hôn phối bất cập, dựa vào danh tiếng của người khác để vụ lợi: “cháu của ông Tân Dân làm báo ngoài Hà Nội” [10; 254]. Cấu trúc thông tin được trình bày theo phương thức đối lập ở trên đã tự nó nói lên tất cả và “hứa hẹn” một diễn tiến đầy bất ổn tiếp theo. (2) Mức độ nhân tâm của vợ chồng Phong với người vợ bé của cha mình được thể hiện qua những sở chỉ của ngôn từ với thước đo về hành vi cảm thú: “Phong bảo: “Sao con mẹ này sống dai thế?”. Cô Lan bảo: “Cho liều thuốc chuột là yên”. Phong bảo: “Không cần, cứ để đói vài ngày”... Phong khóa cửa lại rồi cất chìa khóa vào túi áo vét... Mỗi ngày một lần, Phong mở cửa khóa xem đã chết chưa” [10; 254-255]. Những thông tin này gợi ra một liên ngôn về hành vi của Từ Hi Thái Hậu trong Sử kí. (3) Quan hệ tình ái bừa bãi và nhân tâm của nhân vật. Đầu tiên là ngay cả với đứa con gái mới lớn của chủ quán: “Phong đánh liêu hồi chủ quán: “Ồ đây có con diêm nào xinh không?”. Chủ quán bảo: “Đây là con gái tôi”. Phong uống nước, suýt nữa thì nghẹn” [10; 256-257]... Tiếp đến là đàn dúi với vợ của người đàn ông là người thân thuộc bậc trên của vợ mình: “Thiều Hoa gặp Phong trẻ trung, thật như đại hạn gặp mưa rào. Hai người thề thốt sẽ sống với nhau” [10; 258]... Rồi đến bé gái nhà quê mới lớn đáng tuổi con mình cũng không tha, dùng quyền thế đe dọa, ép buộc: “Cô Chiêm giãy nảy, dọa đi tự vẫn. Phong thấy không ổn, mắng rằng: “Thân lừa ưa nặng, ông hỏi han tử tế không xong thì cho cả họ nhà mày khôn nạn” [10; 262-263]... Tham tố 3 là thông tin sở chỉ về quả báo, gồm 3 phần tử. (1) Đầu tiên là thông tin Phong bị cấm sùng: “trên tờ báo mà Phong hùn vốn có bức tranh vẽ một ông bị vợ cấm cái sùng hươu lên đầu, khách đi vào treo mũ lên đấy, khuôn mặt người này trông rất giống Phong. Phong hỏi: “Chuyện tôi mọc sùng có à?”. Người này bảo: “Nghe phong phan khi ông ở quê, cậu Diêm với bà Thiều Hoa thân mật lắm” [10; 263]. Tình thế oái oăm ở chỗ, người cấm sùng lại là bà vợ mình đã cướp về từ tay kẻ bạc trên và rồi lại được ngay chính tờ báo mà mình góp vốn bên tên. Vì vậy, “cú vả” này là vô cùng đau đớn. (2) Phong nhận kết cục nhân - quả cho những hành động mà mình đã từng gây thù chuốc oán: “Mở mắt thấy lửa lem lém. Phong đập cửa, thấy cửa khóa chặt. Thiều Hoa ở trên gác hai, không xuống được, bị chết thiêu. Phong bị bỏng sau lưng, phải nằm chữa bệnh, rất khổ sở...” [10; 266]. (3) Nhận nghiệp báo từ các thế lực siêu nhiên, khốc liệt và đáng sợ hơn rất nhiều lần sự báo thù của con người: “Từ phía đằng đông, mây đen kéo đến ùn ùn. ...Bỗng lờ một cái, rồi một tiếng sét long trời lở đất vang lên. Khói ở ngoài sân bốc lên một đụn đen ngòm khét lẹt. Cô Chiêm và Phong ngã lăn ra, mái ngói xô âm ầm” [10; 268]... Tham tố 4 là thông tin về sự trở lại của thiện căn. (1) Sự sám hối vào những giây phút cuối đời: “Phong bảo: “Mình ơi, thằng Tâm là giọt máu cuối cùng của họ Phạm đấy. Chỉ mong giọt máu này đỏ chứ không đen như ông cha nó”. Nói xong thì Phong nấc mấy cái rồi đi” [10; 269]. (2) Cơ duyên của thiện căn bắt đầu nảy mầm như một quy luật tất yếu, “cùng tắc biến, biến tất thông”, “phúc đức tại mẫu”: “Nghe nói về sau cô Chiêm ở vậy nuôi Tâm, hai mẹ con chỉ trồng rau, nuôi lợn, làm đậu phụ bán. Tâm lớn lên, tự học, đọc nhiều sách vở, nhưng không thi cử hoặc đi làm gì” [10; 269]... Xét về tính tình thái của ngôn ngữ, những thông tin trong các tham tố được trình bày

bằng giọng kể ngôi thứ nhất và lớp ngôn ngữ trực tiếp trong một số ít tham thoại với nhiều sắc thái biểu cảm khác nhau trong lời nói của một nhân vật.

Về quy chiếu sở biểu. Các tham tố của tham chiếu 2 được đặt vào trong một liên kết chuỗi: đi từ *điều kiện vật chất* (1) → *sự tha hóa* (2) → *quả báo* (3) → *sự ghen nhóm trở lại của thiên căn* (4). Sở biểu của tham chiếu 2 là việc kế thừa sự giàu có từ những hành động bất lương sẽ tạo ra những nghiệp lực vô cùng nặng nề. Nghiệp báo không những đến từ hành động trả đũa từ con người mà còn đến từ những thế lực siêu nhiên thần bí... Phong chỉ là “hệ quả” của Chiêu, sự học của Chiêu xuất phát từ một động cơ thực dụng đã báo trước một hệ quả thảm hại như chính lời phán của một cao nhân tình cờ ngang qua làng Kẻ Noi.

Từ 2 tham chiếu, nhân vật Chiêu và Phong hiện ra như là một kết cục tất yếu về khao khát công danh và sự giàu có tốt bậc đã được hai nhân vật Liên và Gia đặt nền móng gây dựng ở chôn làng quê mà khuyết thiếu một mặt cấu thành của sự vinh hiển, giàu sang đó là giá trị cốt lõi “công danh vị nghĩa”, “đạt tắc kiêm tế thiên hạ” đã được các bậc thánh nhân đúc kết.

3. Kết luận

Nghệ thuật quy chiếu ngôn ngữ vào nhân vật là cách nhà văn sử dụng các phương tiện ngôn ngữ để làm rõ phẩm chất hình tượng mà mình muốn xây dựng để qua đó truyền đi một thông điệp sống động, sâu sắc. Nguyễn Huy Thiệp đã sử dụng lớp ngôn từ trực tiếp, gián tiếp với các góc nhìn, tình thái, giọng điệu khác nhau để làm cho nhân vật hiện lên một cách rõ nét và ấn tượng. Thế giới nhân vật trong *Giọt máu* được đặt vào những bối cảnh rất phổ biến của đời sống xã hội có tự ngàn xưa cho đến ngày nay, trong đó lấy lễ thịnh – suy ở đời làm khung tham chiếu căn bản. Vòng quay “luân xa” lặp lại qua mỗi chu kì ba đời hoặc hơn. Mỗi chu trình, “nghiệp báo” hay “phúc báo” đều ứng nghiệm trên các quy chiếu nhân vật Gia - (...) - Chiêu và Chiêu - Phong - Tâm. Ngay cách đặt tên nhân vật cũng đã chứa đựng những thông tin quy chiếu nội hàm. Bằng một diễn ngôn gồm nhiều trường nghĩa lồng vào nhau, qua các tham chiếu, Nguyễn Huy Thiệp đã khắc họa sắc nét các nhân vật của mình với những “con số trừu tượng” và đầy tính suy tưởng. Nhân vật Liên và Gia như là “nhân” để tạo ra nhân vật Chiêu là “quả”, một bên là khao khát sự học để thành danh, một bên là hiện thực hóa cái khao khát đó theo chiều hướng tồi tệ, không thể kiểm soát được. Đến lượt Chiêu như là “nhân” của nhân vật Phong, Chiêu tha hóa vì quyền lực, Phong tha hóa vì tiền tài; Chiêm là “nhân” và Tâm là “quả”. Sự tiếp nối giữa những thế hệ kế cận nhau thiếu đi cái nền móng tốt đủ sức nâng đỡ và giữ cho một công trình phức tạp tránh được sự ngã nghiêng, những lỗ hổng lớn dưới chân để nền đỡ vỡ là một tất yếu. Ngôi bút của nhà văn tập trung quy chiếu vào Chiêu và Phong với tất cả các tham chiếu trên những phương diện phổ biến để đi đến một sở biểu: sức tàn phá của “sự học” nghiêm trọng hơn rất nhiều so với thành quả mà nó tạo ra; con đường đến với chữ nghĩa nếu không được “quy hoạch” dựa trên nền tảng của những giá trị tinh hoa phổ quát sẽ đưa đến thảm họa. “Giọt máu” tuần hoàn trong thân thể mỗi người như một ẩn dụ tổng thể, có hai màu đỏ và đen cũng như con đường học vấn vậy, để kiếm sống, sửa mình, trốn đời và làm loạn. Điều khiến cho ta rung mình khi đọc *Giọt máu* là cảm nhận tác phẩm như một dự ngôn: khao khát học vấn của một dân tộc đi lên từ văn minh lúa nước luôn ẩn chứa những rủi ro lớn.

Những sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp nói chung, thế giới nhân vật của ông nói riêng được sáng tạo theo những phương thức khác hẳn các nhà văn đương thời. Bên cạnh tính tình thái đậm đặc, các nhân vật trong truyện ngắn của ông, mà tiêu biểu là *Giọt máu* trở nên đặc biệt ấn tượng bởi tính “góc cạnh” trong giọng điệu lạnh lùng khách quan của các lớp ngôn từ. Nghiên cứu quy chiếu ngôn ngữ bằng các tham chiếu thông qua các tham tố cụ thể có thể chỉ ra một cách khá rõ ràng cách thức mà nhà văn sáng tạo ra các hình tượng nghệ thuật bằng ngôn ngữ. Nó đem lại cho chúng ta cái nhìn định lượng, là phương thức tư duy cần thiết để đưa tác phẩm văn chương đạt đến những đỉnh cao mới trong nghệ thuật đương đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] John L, (1996). *Nhập môn ngôn ngữ học lí thuyết* (Vương Hữu Lễ dịch). NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [2] George Y, (1997). *Dụng học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3] NĐ Dân, (1998). *Ngữ dụng học*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [4] Gillian B & George Y, (1983). *Phân tích diễn ngôn* (Trần Thuận dịch - 2002). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] ĐH Châu, (2003). *Cơ sở ngữ dụng học, tập 1*. NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [6] NT Giáp, (2004). *Dụng học Việt ngữ*. NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [7] NT Giáp, (2008). *Giáo trình ngôn ngữ học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [8] TTM Thu, (2020). “Quy chiếu và các vấn đề liên quan”. *Tạp chí Từ Điển và Bách Khoa Thư*, 4(66), 51-56.
- [9] Ban DQ, (2002). *Giao tiếp, văn bản, mạch lạc, liên kết, đoạn văn*. NXB Khoa học Xã hội, TP Hồ Chí Minh.
- [10] NH Thiệp, (2005). *Truyện ngắn*. NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.